

TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH
TỔ MẪU GIÁO 3-4 TUỔI – NHÀ TRẺ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đăk Tô, ngày 04 tháng 09 năm 2024

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TỔ CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC 2024-2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016;

- Căn cứ kế hoạch số: 04/KH-MNBM, ngày 30 tháng 8 năm 2024. Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 của Trường MN Bình Minh.

- Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-MNCM ngày 31/8 /2024 của bộ phận chuyên môn trường Mầm non Bình Minh, năm học 2024-2025.

- Căn cứ tình hình thực tiễn, tổ Mẫu giáo 3-4 tuổi – Nhà trẻ xây dựng kế hoạch hoạt động năm học 2024-2025 với những nội dung cụ thể như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Trẻ mầm non

STT	lớp	Tổng số HS/lớp	Nữ	HSDT	Nữ DT	Khuyết tật	Ghi chú
1	Nhóm trẻ 24-36 tháng	18	10	4	3	0	
2	Lớp MG 3-4 tuổi A	24	16	6	5	0	
3	Lớp MG 3-4 tuổi B	23	12	5	2	0	
Tổng		65	38	15	10		

- **Tỉ lệ trẻ/lớp:** Trẻ nhà trẻ: 18 trẻ/nhóm; trẻ mẫu giáo: 24 trẻ/lớp

2. Thuận lợi, khó khăn:

a) Thuận lợi:

- Cơ sở vật chất các lớp tương đối đầy đủ, đảm bảo điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ
- Số trẻ trong lớp được biên chế theo Điều lệ bình quân 24 trẻ/ lớp đối với lớp mẫu giáo; 18/nhóm đối với nhóm trẻ
- 100% trẻ được ăn, ở bán trú, trẻ tiếp thu nhanh, có nề nếp, thực hiện được các yêu cầu của giáo viên
- Trẻ cùng một độ tuổi nên thuận tiện cho giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại lớp.
- Được sự quan tâm tận tình của các bậc cha mẹ học sinh, hỗ trợ tích cực trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cũng như trong công tác phối hợp với giáo viên xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm.

b) Khó khăn:

- 2/3 số trẻ lần đầu đến trường nên còn nhút nhát, giao tiếp chưa mạnh dạn, chưa có kỹ năng sử dụng đồ dùng cá nhân và đồ dùng học tập, đồ dùng ăn uống.

3) Theo dõi sức khỏe trẻ: 64/64 trẻ (số trẻ được cân đo tại trường/tổng số)

Lớp	Trẻ bình thường				SDD nhẹ cân				SDD thấp còi				Thừa cân, Béo phì			
	Tổng	Tỉ lệ %	DTTS	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	DTTS	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	DTTS	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	DTTS	Tỉ lệ %
Nhóm trẻ 24-36 tháng	18	94,45%	3	17,64%	0	0	0		0	0			1	5,55	1	5,55
Lớp MG 3-4 tuổi A	24	86,7%	6	25%	0	0	0	0	1	4,2%	0	0	1	4,2%	1	4,2%

Lớp MG 3-4 tuổi B	23	86,95%	4	20%	1	4,35%	1	4,35%	0	0	0	0	2	8,70%	1	4,35%
Tổng cộng	65		13		1				1				4			

- Trẻ được hưởng chế độ chính sách:

2. Đội ngũ giáo viên trong tổ

STT	GV	Chức vụ	Lớp phụ trách	Tỉ lệ GV/lớp	Trình độ đào tạo				Cơ cấu xã hộ			Ghi chú
					ĐH	CD	TC	Trình độ khác	Dân tộc	Nữ	Đảng viên	
1	Nguyễn Thị Hương	giáo viên	Lớp MG 3-4 tuổi A	2	x				Kinh	x	x	
2	Nguyễn Thị Bích Vân	Giáo viên	Lớp MG 3-4 tuổi A		x				Kinh	x		
3	Hoàng Thị Vân	TT, Giáo viên	Lớp MG 3-4 tuổi B	2	x				Tày	x	x	
4	Bùi Gia Thu	Giáo viên	Lớp MG 3-4 tuổi B		x				Kinh	x		
5	Nguyễn Thị Bích Trâm	Giáo viên	Nhóm trẻ 24-36	2	x				Kinh	x		

			tháng									
6	Lù Thị Ngọc Hà	Bảo mẫu	Nhóm trẻ 24-36 tháng						Thái	x		
	Tổng			6	5				2	6	2	

***Thuận lợi, khó khăn**

*** Thuận lợi:**

Được sự quan tâm của Chi bộ, Nhà trường, chuyên môn đã chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác
 -Tổ được biên chế đủ 2 giáo viên/ lớp, các thành viên trong tổ có trình độ sư phạm từ cao đẳng trở lên, có ý thức, trách nhiệm với công việc, nhiệt tình, năng nổ, sáng tạo, thân thiện, hoà đồng

100% giáo viên ứng dụng CNTT trong soạn, giảng, quản lý trẻ, cơ sở vật chất và các nội dung có liên quan nhiệm vụ chính trị

*** Khó khăn:**

- Một số giáo viên mới ra trường, còn lúng túng trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non cũng như kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

1. Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi

1.1. Mục tiêu chung

TT	Lĩnh vực	Mục tiêu
1	Giáo dục phát triển thể chất	<ul style="list-style-type: none"> - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹn nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân
2	Giáo dục phát triển nhận thức	<ul style="list-style-type: none"> - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của các giác quan

TT	Lĩnh vực	Mục tiêu
		<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc
3	Giáo dục phát triển ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp
4	Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện

1.2. Nội dung và Kết quả mong đợi cuối độ tuổi trẻ 24 -36 tháng tuổi

* Nội dung giáo dục theo độ tuổi

TT	Lĩnh vực	Nội dung
1	Giáo dục phát triển thể chất:	<p>1.1. Phát triển vận động</p> <p><i>1.1.1 Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. <p><i>1.1.2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập bò, trườn:

		<ul style="list-style-type: none"> + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản. - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. <i>1.1.3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt</i> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. <p>1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> <p><i>1.2.1 Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. <p><i>1.2.2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. <p><i>1.2.3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh
2	Giáo dục phát triển nhận thức	<p>2.1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.

		<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) <p>2.2 Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bộ phận của cơ thể con người: Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Một số đồ dùng, đồ chơi: Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Một số phương tiện giao thông quen thuộc: Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc: Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. <p>- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu đỏ, vàng, xanh. + Kích thước to - nhỏ. + Hình tròn, hình vuông. + Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. + Số lượng một - nhiều <p>- Bản thân, người gần gũi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. + Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> + Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. + Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
3	Giáo dục phát triển ngôn ngữ	<p>3.1. Nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các giọng nói khác nhau. - Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản. - Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: “cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?” - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. <p>3.2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau. - Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản. - Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: “cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...” - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn <p>3.3 Làm quen với sách</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
4	Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	<p>4.1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức về bản thân. + Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. + Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. + Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận <p>4.2 Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi: + Giao tiếp với những người xung quanh. + Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. + Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Quan tâm đến các vật nuôi. - Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt: + Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. + Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định <p>4.3 Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.

		<ul style="list-style-type: none"> + Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. + Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh + Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. + Xem tranh.
--	--	--

*** Kết quả mong đợi theo độ tuổi**

TT	Lĩnh vực	Nội dung
1	Giáo dục phát triển thể chất:	<p>1. Phát triển vận động</p> <p><i>1.1 Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp:</i> Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân</p> <p><i>1.2 Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động ban đầu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. - Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1 m; ném vào đích xa 1 – 1, 2 m - Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng - Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m) <p><i>1.3 Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – thực hiện “Múa kéo” - Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ <p>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>

		<p>2.1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. + Ngủ 1 giấc buổi trưa. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định <p>2.2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). + Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh <p>2.3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. + Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.
2	Giáo dục phát triển nhận thức	<p>2.1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. <p>2.2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi - Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. - Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc - Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu. - Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.
3	Giáo dục phát triển ngôn ngữ	<p>3.1. Nghe hiểu lời nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. - Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... làm gì?”, “..... thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)

		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. 3.2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu - Phát âm rõ tiếng. - Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo 3.3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp - Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: <ul style="list-style-type: none"> + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... -Nói to, đủ nghe, lễ phép
4	Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> 4.1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân - Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). - Thể hiện điều mình thích và không thích 4.2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi - Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói - Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi - Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ - Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi 4.3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản - Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ - Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).

		<ul style="list-style-type: none"> - Chơi thân thiện cạnh trẻ khác - Thực hiện một số yêu cầu của người lớn <p>4.4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. - Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).
--	--	---

2 Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi

2.1. Mục tiêu chung

TT	Lĩnh vực	Mục tiêu
1	Phát triển thể chất	<ul style="list-style-type: none"> - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2	Phát triển nhận thức	<ul style="list-style-type: none"> - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
3	Phát triển ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

TT	Lĩnh vực	Mục tiêu
		<ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
4	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
5	Phát triển thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.

2.2 Nội dung và Kết quả mong đợi cuối độ tuổi trẻ 3-4 tuổi (theo chương trình GDMN)

* Nội dung giáo dục theo độ tuổi

TT	Lĩnh vực		Nội dung
1	Giáo dục phát triển thể chất	1. Phát triển vận động	1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân:

				<ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
			<p>2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Đi trong đường hẹp. - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước.

				+ Bật xa 20 - 25 cm.
			3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
	2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
		2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
		3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn		<ul style="list-style-type: none"> Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

				<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
2	Giáo dục phát triển nhận thức	Khám phá khoa học	1. Các bộ phận của cơ thể con người	hức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
			2. Đồ vật: <i>Đồ dùng, đồ chơi</i> <i>Phương tiện giao thông</i>	<p>Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>
			3. Động vật và thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
			4. Một số hiện tượng tự nhiên: <i>Thời tiết, mùa</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.

		<p><i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i></p> <p><i>Nước</i></p> <p><i>Không khí, ánh sáng,</i></p> <p><i>Đất đá, cát, sỏi</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm		<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
	2. Xếp tương ứng		Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.
	3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc		<ul style="list-style-type: none"> - So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.
	4. Đo lường		
	5. Hình dạng		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.
	6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian		Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
3. Khám phá xã hội	1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng		<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân.

			đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
			2. Một số nghề trong xã hội	Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
			3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
3	Giáo dục phát triển ngôn ngữ	1. Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. 	
		2. Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
		3. Làm quen với đọc, viết	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
4	Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ý thức về bản thân</i> - <i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.

			<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
		<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội - Quan tâm đến môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
5	Giáo dục phát triển thẩm mỹ	<p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật</p>	<p>Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>
		<p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình[</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài

			<p>hát, bản nhạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Nhận xét sản phẩm tạo hình.
		3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

*** Kết quả mong đợi theo độ tuổi**

TT	Lĩnh vực		Kết quả mong đợi	
1	Giáo dục phát triển thể chất	1. Phát triển vận động	1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động			<p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiềng gót liên tục 3m. <p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. 	

			<p>2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). <p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.
		<p>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt</p>	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. <p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Tự cài, cởi cúc.
	<p>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>	<p>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối</p>	<p>1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).</p>

			với sức khỏe	<p>1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...</p> <p>1.3. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>
			2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<p>2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... <p>2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>
			3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	<p>3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:</p> <p>uống nước đã đun sôi...</p> <p>3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. <p>Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>
			4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
2	Giáo dục phát triển	1. Khám	1. Xem xét và tìm hiểu đặc	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng

nhận thức	<i>phá khoa học</i>	điểm của các sự vật, hiện tượng	<p>gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p> <p>1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p> <p>1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p> <p>1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p> <p>1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.</p>
		2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.
		3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	<p>3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p> <p>3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</p>
		2. <i>Làm quen với một số khái niệm sơ</i>	1. Nhận biết số đếm, số lượng

		<i>đăng về toán</i>		<p>đến 5.</p> <p>1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p> <p>1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</p> <p>1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>
			2. Sắp xếp theo quy tắc	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.
			3. So sánh hai đối tượng	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.
			4. Nhận biết hình dạng	Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.
			5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.
		3. <i>Khám phá xã hội</i>	1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	<p>1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</p> <p>1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p> <p>1.4. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>

		2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.
		3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh. 3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.
3	Giáo dục phát triển ngôn ngữ	1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... 1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.
		2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	2.1. Nói rõ các tiếng. 2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... 2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép. 2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... 2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. 2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. 2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao

			tiếp. 2.9. Nói đủ nghe, không nói lý nhí.
		3. Làm quen với việc đọc - viết	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giữ sách xem tranh. 3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. 3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.
4	Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	1. Thể hiện ý thức về bản thân	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. 1.2. Nói được điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. 2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. 3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. 3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. 4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	

			4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.
		5. Quan tâm đến môi trường	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.
5	Giáo dục phát triển thẩm mỹ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. 1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. 1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
		2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. 2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). 2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. 2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. 2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. 2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo

			thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. 2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.
		3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. 3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. 3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

3. Kế hoạch thực hiện

3.1. Khung thời gian thực hiện chương trình Giáo dục năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các lĩnh vực theo độ tuổi

- Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thời gian tựu trường	26/8/2024	
2	Khai giảng	05/9/2024	
3	Học kỳ I	05/9/2024- 18/01/2025	Gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác
4	Học kỳ II	18/01 -23/5/2025	Gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác
5	Tổng kết năm học	30/5/2025	

- Kế hoạch hoạch giáo dục năm, tháng, tuần

+ Kế hoạch hoạch giáo dục năm, tháng (có phụ lục kèm theo)

+ Kế hoạch triển khai thực hiện tuần

* Nhóm trẻ 24-36 tháng

Tuần	Thời gian	Giờ học							Chơi ngoài trời	Hoạt động chơi	Các giờ sinh hoạt						
		PTVĐ	NBTN	NBPB	Văn học	Âm nhạc	Tạo hình	Lồng ghép giờ học			Đón, trả trẻ	TDS	Giờ ăn, ngủ	HD Chiều	Vệ sinh		
1	06-13/9/2024	"Đi trong đường hẹp (L1)	Bé là ai (lần 1)	Đi màu quả bóng	Thơ: bạn mới (lần 1)	*Lời chào buổi sáng (lần 1) *Lời chào buổi sáng (lần 1)						Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo độ tuổi) Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau					
2	16/9 - 20/9/2024	Đi trong đường hẹp (L2)	Bé là ai (lần2)	Màu đỏ - Màu xanh (L1)		Lời chào buổi sáng (lần 2)	Đi màu quả táo			Nhón nhật đồ vật			Giờ ngủ:Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.				
3	23/9 - 27/9/2024	Đi trong đường hẹp (L3)	Bé là ai (lần 3)	Màu đỏ - Màu xanh (L2)	Thơ: Bạn mới (lần2)	Mẹ yêu không nào (lần 1)							Giờ ăn:Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.				

4	30/9 - 4/10/ 2024	Bò thẳng hướng và có vật trên lưng (L1)	Cô giáo và các bạn(lần 1)		Thơ: Yêu mẹ (lần 1)	Mẹ yêu không nào (lần 2)	Xâu nắp chai				
5	07/10 - 11/10 /2024	Bò thẳng hướng và có vật trên lưng (L2)	Cô giáo và các bạn(lần 3)	Màu đỏ - Màu vàng L1)	Thơ: Yêu mẹ(lần 2)	Tập tâm vong (lần 1)				Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	Giao tiếp với những người xung quanh.
6	14/10 - 18/10 /2024	Bật tại chỗ (L1)	Mắt, mũi	Màu đỏ - Màu vàng L2)		Tập tâm vong (lần 2)	Xâu vòng hoa				
7	21/10 - 25/10 /2024	Bật tại chỗ (L2)	Miệng tai	Màu vàng - Màu xanh (L1)	Thơ: Bàn tay cô giáo (lần 1)	Tập đếm (lần 1)				Khuấy, đào	
8	28/10 - 01/11 /2024	Tung bóng (L1)	Tay chân	Màu vàng - Màu xanh (L2)	Thơ: Bàn tay cô giáo (lần 2)	Tập đếm (lần 2)					

	Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ	
	Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống, uố ng nước sau khi ăn	
	Tập mặc quần áo, đi dép	
	Chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	

9	04/11 - 8/11/ 2024	Tung bóng (L2)	Bố, mẹ	Màu đỏ-màu vàng-màu xanh	ĐD: Con voi (lần 1)	Cháu yêu bà (lần 1)				Rót			
10	11/11 - 15/11 /2024	Đi theo hiệu lệnh (L1)	Ông bà		ĐD: Con voi (lần 2)	Cháu yêu bà (lần 2)	Vẽ các tia nắng						Rửa tay trước khi ăn ; lau mặt, lau miệng
11	18/11 - 22/11 /2024	Đi theo hiệu lệnh (L2)	Quần áo	Kích thước to - nhỏ (L1)	Truyện : Quả trứng (lần 1)	Bóng tròn to (lần 1)				Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn			Tập nói với người lớn khi cố nhu cầu ăn
12	25/11 - 29/11 /2024	Bò chui qua cổng (L1)	Mũ dép	Kích thước to - nhỏ (L2)	Truyện : Quả trứng (lần 2)		Vò giấy thành quả bóng						

13	02/12 - 06/12 /2024	Bò chui qua cổng (L2)	Quả bóng	Hình tròn (L1)	Thơ: Miệng xinh(Lần 1)	Bóng tròn to(lần2)				
14	09/12 - 13/12 /2024	Đi có mang vật trên tay (L1)	Búp bê		Thơ: Miệng xinh(Lần 2)	Một con vịt(lần 1)	Nặn viên bì			Chồng, xếp 6-8 khối
15	16/12 - 20/12 /2024	Đi có mang vật trên tay (L2)	Xe đạp		Truyện : Thỏ con không vâng lời (lần 1)	Một con vịt (lần 2)	Xếp đường đi			
16	23/12 - 27/12 /2024	Bật qua vạch kẻ (L1)	Xe máy	Hình tròn (L2)	Truyện : Thỏ con không vâng lời (lần 2)	Em tập lái ô tô (lần 1)				Đóng cọc bàn gỗ

	Biết một số vật dụng nguy hiểm và không được phép sờ vào: Bếp đan đun, Phích nước, ổ cắm điện, bàn là	
Tập xúc com, uống nước		Tập cởi quần áo khi bị bắn, bị ướt
	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh: Leo trèo lan can, chơi nghịch các vật	

17	30/12/2024 - 03/01/2025	Bật qua vạch kẻ (L2) HDNT	Xe ô tô		Thơ: Xe đạp (Lần 1)	Em tập lái ô tô (lần 2)					
18	06/01 - 10/01/2025	Tung, bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m(L1)	Máy bay		Thơ: Xe đạp (Lần 2)	Bé và hoa (lần 1)	Xé rèm cửa Vẽ mưa			Tìm đồ vật vừa mới cất giấu	
19	13/01 - 17/01/2025	Tung, bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m(L2)	Rau muống		Truyện: Hai chú dê con (lần 1)	Bé và hoa (lần 2)	Nặn con giun				- Thực hiệnj mootj số hành vi văn hóa và giao tiếp : chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ « d ạ », « vâng

	sắc nhọn	
		Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định
	Cài, cỏi cức	

											ạ »			
20	20/01 - 24/01 /2025	Ném bóng về phía trước bằng 1 tay (L1)	Rau cải	Hình vuông (L1)	Truyện : 2 chú dê con (lần 2)		Xâu nắp chai			Thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé,...)				
21	Từ 10/2 - 14/02	Ném bóng về phía trước bằng 1 tay (L2)	Hoa cúc	Hình vuông (L2)	Thơ: Bắp cải xanh (lần 1)	Con chim non (lần 1)								
22	Từ 17/2 - 21/2/ 2025	Bò qua vật cản (L1)	Hoa hồng		Thơ: bắp cải xanh(lần 2)	Con chim non (lần 2)	Xếp hình ngôi nhà							

23	Từ 24/2 - 28/2/ 2025	Bò qua vật cản (L2)	Hoa mai	Hình tròn, hình vuông		Nào chúng ta cùng tập thể dục (lần 1)	Vẽ mưa			Lật mở trang sách				Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh
24	Từ 03/3 - 07/3/ 2025	Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5 m) L1	Quả xoài	Vị trí trong không gian (trên - dưới) so với bản thân (L1)	Thơ: Bà và cháu (lần 1)	Nào chúng ta cùng tập thể dục (lần 2)							Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	
25	Từ 10/3 - 14/3/ 2025	Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5 m) L2	Quả cam		Thơ: Bà và cháu (lần 2)	Bắp cải xanh (lần 1)	Xâu vòng hoa nắp chai			Lắng nghe khi người lớn đọc sách				Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
26	Từ 17/3 - 21/3/ 2025	Trườn qua vật cản (L1)	Quả chuối		Truyện : Con cáo (lần 1)	Bắp cải xanh (lần 2)	Di màu cái áo			Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chơi cạnh bạn, không cầu bạn			Chuẩn bị chỗ ngủ	

27	Từ 24/3 - 28/3/2025	Trườn qua vật cản (L2)	Quả dưa hấu	Vị trí trong không gian (trên - dưới) so với bản thân (L2)	Truyện : Con cáo (lần 2)		Vẽ bánh							Vứt rác đúng nơi quy định	
28	Từ 31/3 - 4/4/2025	Ném bóng vào đích xa 1-1.2m (L1)	Con mèo		Thơ: Hoa nở (lần 1)	Éch ôp (lần 1)	Xếp hàng rào								
29	Từ 8/4 - 11/4/2025	Ném bóng vào đích xa 1-1.2m (L2) HĐNT	Con chó	Vị trí trong không gian (trước - sau) so với bản thân trẻ. (L1)	Thơ: Hoa nở (lần 2)	Éch ôp (lần 2)				Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định				Thể hiện nhu cầu, mong muốn bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	
30	Từ 14/4 - 18/4/2025	Đứng co 1 chân (L1)	Con gà		Thơ: chú gà con(lần 1)	Đàn vịt con (lần1)	Xé dán tia nắng								

31	Từ 21/4-25/4/2025	Đứng co 1 chân (L2)	Con vịt	Vị trí trong không gian (trước - sau) so với bản thân trẻ. (L2)	Thơ : Chú gà con (Lần 2)	Đàn vịt con (Lần 2)			Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ			Biết một số nơi nguy hiểm không đến gần: Ao hồ, giếng, xô nước...
32	Từ 28/4 - 2/5/2025	Chạy theo hướng thẳng (L1) HDNT	Con voi		Thơ: Con cá vàng (lần 1)	Con Gà trống (lần 1)						
33	Từ 5/5 - 9/5/2025	Chạy theo hướng thẳng (L2)	Con hổ		Thơ: Con cá vàng (lần 2)	Con gà trống (lần 2)	Xé dán lá cây			Chấp ghép hình		
34	Từ 12/5 - 16/5/2025	Chạy thay đổi tốc độ (nhạy, chậm) (L1)	Con cá rô phi	Số lượng một - nhiều (L1)	ĐD: Câu ếch (lần 1)	Gà trống mèo con và cún con (lần2)						
35	19/5-23/5/2025	Chạy thay đổi tốc độ (nhạy, chậm) (L2)	Con cua	Số lượng một - nhiều (L2)	ĐD: Câu ếch (lần 2)	Gà trống mèo con và cún con (lần2)						

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

*** Mẫu giáo 3-4 tuổi :**

Tuần	Thời gian	Giờ học							Chơi ngoài trời	Hoạt động góc	Các giờ sinh hoạt				
		PTVĐ		LQVT	Văn học	Âm nhạc	Tạo hình	Lồng ghép giờ học			Đón trẻ	TDS	Giờ ăn	HD Chiều	Vệ sinh
1	Tuần 1/09: Lớp mẫu giáo của bé 06-13/9/2024	- Lăn bóng.	KPXH Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi B	- Một và nhiều.	- Thơ: Trắng sáng (6/9) - Thơ: Bạn mới	Cô và mẹ		<i>*CS59: Chú ý khi nghe cô nói, bạn nói.</i>	<i>*CS 18: Không chơi ở nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.</i>		<i>*CS19 AT: Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</i>			'- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: lối ra, nơi nguy hiểm, các góc chơi.	
2	Tuần 2/09: Vui tết trung thu 16/9 - 20/9/2024	- Bất liên tục tại chỗ 3-4 lần + VĐ cũ	KPXH Bánh trung thu	- Đếm đến 2, nhận biết các nhóm có 2 đối tượng		“Đêm trung thu”	Tô màu lồng đèn (Đề tài)	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.			<i>*CS8 Gập, đan các ngón tay vào nhau</i>	- Sử dụng được các từ biểu thị sự lễ phép.			
3	Tuần 3/09: Cô giáo của bé 23/9 - 27/9/2024	- Trườn về phía trước.	KPXH Cô giáo của bé		Thơ: Chiếc đồng hồ	- “Cháu đi mẫu giáo”	Tô màu: Bánh trung thu (Đề tài)	<i>*CS24: Nói được tên trường/lớp cô giáo, bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện</i>	'- AT: Không leo trèo bàn ghế, lan can.				Tô, vẽ nguệch ngoạc	- SK: Tập rửa tay bằng xà phòng.	
4	Tuần	Ôn 3	KPKH	Nhận biết	Đồng		Tô	- Biết chờ			- SK:			<i>* CS50:</i>	

	1/10: Đồ dùng, đồ chơi của lớp 30/09 - 04/10/2 024	vận động	Đất nặn	phía trên - dưới của bản thân.	dao: Kéo cưa lừa xẻ	màu: Vườn hoa của (Đề tài)	đến lượt. * CS 25: <i>Nói được tên đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. .</i>			Không tự ý lấy thuốc uống			<i>Nói được điều bé thích.</i>	
5	Tuần 2/10: Bé là ai 07/10 - 11/10/2 024	Bước lên, xuống bục cao.	KPKH Bé là ai	Nhận biết phía trước - sau của bản thân. .	Thơ: Đôi mắt của em	“Múa cho mẹ xem”	* CS22: <i>Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</i> * CS 35: <i>Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</i>	- Đi trong đường hẹp		SK: Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	- Biết ăn nhiều để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	*CS16: <i>AT: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</i>	*CS13: <i>SK: Thực hiện được một số việc đơn giản: rửa tay, lau mặt, súc miệng</i>	
6	Tuần 3/10: Cơ thể của bé 14/10 - 18/10/2 024	'- Bật về phía trước + VĐ cũ.	KPKH Đôi tay của bé	- Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân	Truyện: Gấu con bị sâu răng(T1)	Rửa mặt như mèo	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát - Nói và thể hiện được cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp		- Chơi hòa thuận với bạn.			SK: Nhận biết một số biểu hiện khi ôm		

	1/11: Đồ dùng trong gia đình 04/11- 08/11/2 024	<i>Tự đập và bắt bóng (tiết 1)</i>	Cái bát	số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3.	Chú vịt xám (t1)		màu Cái ly (Đề tài)	- Tiết kiệm điện - Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật.					<i>*CS15 : SK: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</i>	Nhận ra và tránh một số vật dụng gây nguy hiểm (bàn là, đép đang đun, phích nước nóng,..) khi được nhắc nhở.
10	Tuần 2/11: Nghệ Y 11/11 - 15/11/2 024	<i>*CS4: Tự đập và bắt bóng (tiết 2)</i>	KPXH: Công việc của bác sĩ, y tá		Truyện: Chú vịt xám (t2)	“Lời chào buổi sáng”.	Tô màu: Sân phẩm nghề nông (Đề tài)	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	<i>*CS1: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động Đi kiềng gót liên tục 3 m.</i>				<i>*CS36: Thực hiện được yêu cầu đơn giản: ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ".</i>	
11	Tuần 3/11: Ngày hội của thầy cô	Đi thay đôi tóc độ	KPXH: Ngày hội của thầy, cô	- Gộp 2 nhóm đối tượng tạo số lượng	Thơ: Cái lưới		Vẽ Quả cam (Mẫu)	<i>* CS 9: Vẽ được hình tròn theo mẫu</i>		<i>*CS52: Cố gắng thực hiện công</i>	<i>*CS46: Sử dụng các từ: "Vàng ạ";</i>		- Tập sử dụng kéo, bút.	

	giáo 18/11 - 22/11/2 024	theo hiệu lệnh + VĐ cũ	giáo.	3 và đếm						<i>việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi).</i>	<i>"Dạ"; "Thưa" ... trong giao tiếp.</i>				
12	Tuần 4/11: Nghề công an 25/11 - 29/11/2 024	Ôn 3 vận động	KPXH: Công việc của chú công an	- Tách 3 đối tượng thành 2 nhóm nhỏ, đếm	Đồng dao: Kéo cưa lừa xẽ	Em tập lái ô tô		<i>* CS 43: Đọc thuộc bài thơ, đồng dao.</i>		- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm đơn giản.					- SK: Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu vệ sinh
13	Tuần 1/12: Nghề bán hàng 02/12 - 06/12/2 024	<i>*CS2: Chạy liên tục trong đường dích dắc</i>	KPXH Cửa hàng tạp hóa	'- So sánh kích thước 2 đối tượng: To - nhỏ	Thơ: Đi chợ tết		Vẽ: Cái đĩa (Đề tài)	<i>*CS47: Nói đủ nghe, không nói lí nhí..</i>	- Giữ vệ sinh môi trường		<i>*CS58 Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.</i>				

	gia đình 23/12 - 27/12/2 023	VĐ cũ		Cao- thấp				<i>của bài hát, bản nhạc</i>								
17	Tuần 5/12: Một số con vật sống trong rừng 30/12 - 03/01/2 025	Ôn 3 vận động (HĐN T)	KPKH Con voi	- Đếm đến 4, nhận biết các nhóm có 4 đối tượng.		“Con chim non”	Tô màu: Con vật bé yêu (Đề tài)	<i>*CS 26: Kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề khi được hỏi, xem tranh</i>						<i>*CS12: DD: Nói đúng một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc nhìn tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa rau)</i>		
18	Tuần 1/01: Một số con vật sống dưới nước 06/01 - 10/01/2 025	<i>* CS3: Tung bắt bóng với cô</i>	KPKH: Con cá rô	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4.		“Một con vịt”	Cắt dán hàng rào (Đề tài)	<i>* CS 10: Cắt thẳng được một đoạn 10 cm</i>								Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh.
19	Tuần 2/01:	- Đi	KPKH:		Thơ:	“Con	Vẽ:	- Chú ý nghe, thích		- Tiếp xúc với				- Có	'- Xé,	

	Một số con côn trùng 13/01 - 17/01/2025	thay đổi hướng theo đường đích đặc+ VD cũ	Con ong		Con cá vàng	gà trống”	những cuộn len màu (Đề tài)	được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. * CS 38: <i>Chăm chú lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.</i>		chữ, sách truyện.			một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: ăn từ tốn, nhai kĩ; uống nước đã đun sôi,.	dán giấy	
20	Tuần 3/01: Vui tết Nguyên Đán 20/01 - 24/01/2025	Ôn 3 vận động	KPXH: Bánh mứt tết	- Gộp 2 nhóm đối tượng tạo số lượng 4 và đếm.	Thơ: Cây đào	“Sắp đến tết rồi”		* CS21: <i>Nói được dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</i>		*CS60: <i>Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ</i>			* CS 49: <i>Thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.</i>		
21	Tuần 1/02: Cây	Ném xa	KPKH: Cây mít	- Tách 4 đối tượng	Truyện: Chú dê		Vẽ: Con	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự	* CS 61: <i>Thích</i>				*CS62: <i>Bỏ rác đúng</i>	- Tự cài, cởi cúc	

	xanh 10/02 - 14/02/2 025	bảng 1 tay.		thành 2 nhóm nhỏ, đếm	đen (T1)		ong bằng vân tay	giúp đỡ.	<i>quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây</i>					<i>nơi quy định</i>	áo
22	Tuần 2/02: Một số loại hoa 17/02 - 21/02/2 025	- Bò theo hướng thẳng+ VĐ cũ	KPKH: Hoa cúc	- Ghép đôi.		“Mẹ yêu không nào”	Nặn Quả cam, quả chuối quả táo	- Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc *CS 69: <i>Nhận xét các sản phẩm tạo hình</i> *CS 20: <i>Gọi tên được đồ vật, cây cối, con vật theo đặc điểm nổi bật</i>		Giữ gìn sách				* CS 37: <i>Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...</i>	
23	Tuần 3/02: Một số loại quả 24/02 -	Ôn 3 vận động	KPKH Quả dưa hấu	- Xếp xen kê (2 đôi tượng)	Truyện: Chú dê đen (T2)		Vẽ: hoa (đề tài)	* CS 44: <i>Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được</i>					* CS 17 :		

	28/02/2025							<i>nghe với sự giúp đỡ của người lớn. * CS 32: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.</i>					<i>Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</i>	
24	Tuần 1/03: Ngày hội 8/3 Từ 03/3 - 07/03/2025	Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.	KPXH: Ngày hội 8/3		Thơ Dán hoa tặng mẹ	“Quà 8 tháng 3”	Cắt dán tia nắng	- Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. *CS 64: <i>Hát tự</i>		<i>*CS 11: Xếp chồng 8-10 khối không đổ.</i>			- Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	

								<i>nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc</i>							
25	Tuần 2/03: Một số loại rau Từ 10/3 - 14/3/2025	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang	KPKH Cây bắp cải	- Hình vuông, hình tròn		“Lý cây xanh”	Tô màu: Cây xanh	'- Vui sướng, chi, sò, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. - Phát âm các tiếng của tiếng Việt.		'- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.					<i>*CS 14: Thực hiện được một số việc đơn giản: Tháo tất, cởi quần, áo, cài, cởi cúc</i>
26	Tuần 3/03: Một số PTGT	- Bò theo đường đích	KPKH: Xe máy		Thơ: Xe chữa cháy	“Đoàn tàu nhỏ xíu”	Vẽ mưa	<i>*CS 51. Mạnh dạn tham gia vào các</i>	<i>* CS 48. Có hành vi như người</i>				- SK: Thẻ hiện bằng	'- Làm quen với một số kí hiệu	

	đường bộ Từ 17/3 - 21/3/20 25	dắc + VĐ cũ .						<i>hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi .</i>	<i>đọc sách.</i>				lời nói về nhu cầu ăn.	thông thường trong cuộc sống: biển báo giao thông: đường cho người đi bộ.	
27	Tuần 4/03: PTGT đường thủy Từ 24/3 - 28/3/20 25	Ôn 3 vận động	KPKH: Thuyền buồm	'- Hình tam giác, hình chữ nhật		“Em đi chơi thuyền ”	Nặn quả cam	<i>*CS 34. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật *CS 40. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.</i>						<i>*CS 42. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem</i>	

								<i>*CS 68: Lăn dọc, xoay tròn ấn dẹt đất nặng để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.</i>						phim...	
28	Tuần 1/04: PTGT đường thành không Từ 31/3 - 04/4	<i>*CS6: Ném trúng đích năm ngang (Tiết 1)</i>	KPXH: Máy bay chở khách	Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.		“Năng sớm”	Vẽ Cây xanh	<i>* CS 66:Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.</i>			- Có một số hành tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng,				

											mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.				
29	Tuần 2/04: Một số hệ tượng thời tiết Từ 07/4 - 11/4/20 25	<i>* Ném trúng đích năm ngang (Tiết 2) (HDN T)</i>	KPKH Trời nắng	- Đếm đến 5, nhận biết các nhóm có 5 đối tượng.		“Trời nắng, trời mưa”	Nặn: ông mặt trời	<i>* CS 28: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5</i>		<i>* CS 54: Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, tức giận.</i>				Nhận biết trang phục theo thời tiết.	
30	Tuần 3/04: Ngày và đêm Từ 14/4 - 18/4/20 25	- Chạy thay đôi hướng theo đường dích dắc	KPKH Ban ngày		Truyện: Nàng tiên mưa (t1)	“Cháu yêu bà”	Tô màu Cầu vòng	<i>* CS 41 Sử dụng được câu đơn, câu ghép. *CS 65. Vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo</i>	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình		'- DD: Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của	- Biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.		

								<i>phách, nhịp, vận động múa minh họa).</i> "	tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống.				ăn uống đủ lượng và chất		
31	Tuần 4/04: Nước Từ 21/4 - 25/4/2025	Bật xa 20-25cm + VD cũ	KPKH Sự kì diệu của nước		Truyện: Nàng tiên mưa (t2)	"Cháu vẽ ông mặt trời"	Xé Dán: Trời mưa	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Đóng vai theo lời dẫn truyện của cô. - Tiết kiệm nước	-AT: Biết tránh nơi nguy hiểm hồ, ao, bể chứa nước, giếng,...) khi được nhắc nhở.					-Xé vụn và dán tạo ra sản phẩm đơn giản.	
32	Tuần 5/04: Đất, đá, cát, sỏi Từ 28/4	Ôn 3 vận động (HĐN T)	KPKH Những viên sỏi kỳ diệu	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong		"Ra chơi vườn hoa"		*CS 29: So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong							

	- 02/5/20 25			phạm vi 5.				<i>phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn-</i>							
33	Tuần 1/05: Một số di tích lich sử, cảnh đẹp Đăk Tô Từ 05/05 - 09/5/20 25	* CS 5: <i>Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.</i>	KPXH: Công viên Đăk Tô	- Gộp 2 nhóm tạo số lượng 5 và đếm.		- Tay thơm tay ngoan	Vẽ: theo ý thích	<i>*CS 27: Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. * CS 30: Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm</i>						- Nhận biết cờ Tổ Quốc	

								vi 5							
34	Tuần 2/05: Bác Hồ kính yêu Từ 12/5 - 16/5/20 25	- Trườn theo đường dịch đắc + VD cũ	KPXH: Bác Hồ kính yêu		Thơ: Bác Hồ của em	“Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ”	Xé dán: Cây xanh	<i>* CS 55: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ . *CS 56: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. * CS 39: Nói rõ các tiếng. * CS 67: Xé theo dải và dán tạo ra sản phẩm đơn giản.</i>	- Đan, tết						
35	Tuần 3/05: Ngày hội bé vào hè 19/5 - 23/5/20 25	Ôn 3 vận động	KPXH Ngày hội bé vào hè	- Tách 5 đối tượng thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau, đếm		“Mùa hè đến”	Vẽ Mưa	<i>* CS 31: Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm</i>					- SK: Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ia chảy,		

15		Bé vào hè
-----------	--	-----------

3.3. Phân bổ thời lượng hoạt động giáo dục theo độ tuổi

TT	Môn học theo lĩnh vực	Số tiết	MG 3-4 tuổi	Ghi chú
		Nhóm Trẻ		
1	Phát triển thể chất	35	35	
2	Phát triển nhận thức	55	60	
	+ Khám phá	35	35	
	+ Toán	20	25	
3	Phát triển ngôn ngữ	32	25	
	+ Kể chuyện	8	10	
	+ Thơ	20	13	
	+ Đồng dao	4	2	
4	Phát triển thẩm mỹ	53	55	
	+ Âm nhạc	32	27	
	+ Tạo hình	21	28	
	Tổng cộng	175	175	

3.4 Khung thời gian hoạt động năm học 2024 – 2025

* Nhóm trẻ 24-36 tháng tuổi

Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Sáng	6h30 – 8h00	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng (90')	
	8h 00' – 8h 30'	Chơi ngoài trời (30')	
	8h 30' – 8h 50'	Tập có chủ đích (20')	
	8h 50' – 9h 30'	Chơi trong lớp, chơi ở các góc (40')	

	9h 30' – 10h 00'	Vệ sinh (30')	
Chiều	10h00 – 11h00	Ăn bữa chính (60')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	11h – 11h 10'	Nghỉ ngơi, thư giãn (10')	
	11h10 – 13h 40'	Ngủ trưa (150')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ

*** Trẻ MG 3-4 tuổi**

Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Sáng	6h30 - 7h30	Đón trẻ (60')	
	7h30 – 8h00	Chơi, điễm danh, thể dục sáng (30')	
	8h00 – 8h35	Hoạt động ngoài trời (35')	
	8h35 – 8h50	Vệ sinh (15')	
	8h50 – 9h20	Học (30')	
	9h20 – 10h00	Chơi (Hoạt động ở các góc) (40')	
	10h00- 10h30	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa (30')	
	10h30 – 11h30	Ăn trưa (60')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	11h30 – 11h40	Nghỉ ngơi, thư giãn (10')	
	11h40 – 14h00	Ngủ trưa (140')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	14h00 - 14h40	Vệ sinh, ăn xế (40')	
Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Chiều	14h40 - 16h00	Chơi, hoạt động theo ý thích, ôn luyện (80')	
	16h00 - 17h00	Vệ sinh, nêu gương bé ngoan, trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ (30')	
	6h30 - 7h30	Trả trẻ (30')	

*** Trẻ MG 3-4 tuổi có tổ chức học Erobic**

Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Sáng	6h30 - 7h30	Đón trẻ (60')	
	7h30 – 8h00	Chơi, điểm danh, thể dục sáng (30')	
	8h00 – 8h30	Chơi ngoài trời (30')	
	8h30 – 8h45	Vệ sinh (15')	
	8h45 – 9h10	Học (25')	
	9h10 – 9h40	Học Erobic(40')	
	9h40 – 10h20	Chơi (Hoạt động ở các góc) (40')	
	10h20- 10h30	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa (30')	
	10h30 – 11h30	Ăn trưa (60')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	11h30 – 11h40	Nghỉ ngơi, thư giãn (10')	
	11h40 – 14h00	Ngủ trưa (140')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	14h00 - 14h40	Vệ sinh, ăn xế (40')	
Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Chiều	14h40 - 16h00	Chơi, hoạt động theo ý thích, ôn luyện (80')	
	16h00 - 16h30	Vệ sinh, nêu gương bé ngoan, trẻ chuẩn bị ra về (30')	
	6h30 - 7h30	Trả trẻ (30')	

*** Trẻ MG 3-4 tuổi có tổ chức dạy tiếng anh.**

Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Sáng	6h30 - 7h30	Đón trẻ (60')	
	7h30 – 8h00	Chơi, điểm danh, thể dục sáng (30')	
	8h00 – 8h35	Chơi ngoài trời (35')	
	8h35 – 8h45	Vệ sinh (10')	
	8h45 – 9h25	Học (40')	

	9h25 – 10h15	Chơi (Hoạt động ở các góc) (40')	
	10h15- 10h30	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa (15')	
	10h30 – 11h30	Ăn trưa (60')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	11h30 – 11h40	Nghỉ ngơi, thư giãn (10')	
	11h40 – 14h00	Ngủ trưa (140')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	14h00 - 14h40	Vệ sinh, ăn xế (40')	
Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Chiều	14h40 - 15h15	Chơi, hoạt động theo ý thích, ôn luyện (35')	
	15h15 - 15h40	Học tiếng anh(25')	
	15h40 - 16h15	Chơi, hoạt động theo ý thích, ôn luyện (35')	
	16h15 - 16h30	Vệ sinh, nêu gương bé ngoan, trẻ chuẩn bị ra về và (15')	
	16h30 - 17h	Trả trẻ(30')	

*** Trẻ MG 3-4 tuổi có tổ chức dạy tiếng anh.**

	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Sáng	6h30 - 7h30	Đón trẻ (60')	
	7h30 – 8h00	Chơi, điểm danh, thể dục sáng (30')	
	8h00 – 8h35	Chơi ngoài trời (30')	
	8h35 – 8h50	Vệ sinh (10')	
	8h50 – 9h20	Học (30')	
	8h50 – 9h20	Học tiếng anh (25')	
	9h20 – 10h00	Chơi (Hoạt động ở các góc) (40')	

	10h00- 10h30	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa (15')	
	10h30 – 11h30	Ăn trưa (60')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	11h30 – 11h40	Nghỉ ngơi, thư giãn (10')	
	11h40 – 14h00	Ngủ trưa (140')	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	14h00 - 14h40	Vệ sinh, ăn xế (40')	
	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Chiều	14h40 - 16h00	Chơi, hoạt động theo ý thích, ôn luyện (80')	
	16h00 - 16h30	Vệ sinh, nêu gương bé ngoan, trẻ chuẩn bị ra về (30')	
	16h30 - 17h	Trả trẻ(30')	

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TỔ MẪU GIÁO 3-4 TUỔI – NHÀ TRẺ NĂM HỌC 2024-2025

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục phát huy tốt tinh thần chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, linh hoạt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ em; thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDMN trong bối cảnh mới;

- Giáo viên tự học trong tổ, tự rèn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và mục tiêu của kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường;

- Duy trì nền nếp, dân chủ, đoàn kết trong các hoạt động của tổ; tích cực tham gia, thực hiện, sáng tạo nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025*”; phát triển chương trình theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm; ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động; Tiếp tục làm tốt công tác hỗ trợ, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, các bậc cha mẹ trẻ và của xã hội đối với sự phát triển của tổ nói riêng, Nhà trường nói chung;

- Thực hiện thường xuyên công tác truyền thông nhằm chuyển tải kịp thời, đầy đủ nhất về các hoạt động của lớp của tổ đến cha mẹ trẻ và cộng đồng;

- Thực hiện tốt chủ đề năm học “*Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm*”

- Tổ chức các hình thức, biện pháp giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khoẻ; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khoẻ, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì.

- Đối với nhóm trẻ: Chú trọng trong giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ, chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ cảm giác thoải mái, an toàn về thể chất và tinh thần, tạo mọi điều kiện cho trẻ tích cực, mạnh dạn hoạt động giao lưu cảm xúc hoạt động với đồ vật và vai chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm lý, sinh lý, tạo môi trường giáo dục thân thiện, gần gũi với khung cảnh gia đình.

- Đối với mẫu giáo: Tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo hướng “chơi mà học, học bằng chơi” chú trọng làm mới môi trường, hình thức, phương pháp giáo dục, nhằm tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ và thoải mái, Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi, khả năng của từng trẻ, với nhu cầu hứng thú của trẻ với điều kiện thực tế.

- Thiết kế, xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học nhằm đáp ứng nhu cầu, tạo hứng thú vui chơi và trải nghiệm của trẻ; xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục LTLTT. Duy trì tốt việc thực hiện quan sát trẻ theo quá trình, xác định rào cản và áp dụng các hành động để nâng cao cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong các hoạt động giáo dục. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ theo tình trạng thành viên, khuyến khích, đảm bảo xây dựng cho trẻ sự tự tin, hứng thú, kịp thời hỗ trợ giáo viên xây dựng và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với sự phát triển của trẻ, với tình hình thực tế của nhà trường.

2. Chỉ tiêu năm học

2.1. Đối giáo viên

- Hưởng ứng và cam kết thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua.

- Thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhà nước, của ngành, nội qui nhà trường, đảm bảo nề nếp, kỷ cương. Không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo;

- Xây dựng kế hoạch phân đầu cụ thể nhằm thực hiện tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn; tham gia đầy đủ các hoạt động của nhà trường;
- Hồ sơ giáo án đạt khá, tốt. Thiết lập hồ sơ điện tử có chất lượng, khai thác có hiệu quả kho học liệu dùng chung;
- Chất lượng giờ dạy đạt yêu cầu trở lên, trong đó có 90% trở lên đạt khá, giỏi.
- 100% GV chuẩn bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho các hoạt động giáo dục, hoạt động chơi trên lớp.
- 100% các lớp tham gia các hội thi do trường tổ chức.
- 100% được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó có 85% đạt khá, ít nhất 30% đạt tốt.
- Thường xuyên làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo phục vụ cho các hoạt động giảng dạy trên lớp;
- Về Chuẩn NNGVMN: Đạt mức khá trở lên;
- Đáp ứng nhu cầu về CNTT trong thời kỳ công nghệ số.
- Thực hiện tốt công tác bán trú tại trường.
- Về xếp loại viên chức: xếp loại HTT nhiệm vụ trở lên.

2.2. Đối với trẻ

- Duy trì sĩ số đạt 100%; đảm bảo tỷ lệ chuyên cần đạt 95 % trở lên.
- Trẻ được khám sức khỏe 02 lần/năm, 100% trẻ được theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng; Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân và thấp còi, tăng tỉ lệ trẻ phát triển bình thường so với đầu năm học. Không chế trẻ thừa cân, béo phì giảm so với đầu năm học.
- Đảm bảo 100% trẻ được theo dõi, tiêm chủng, uống Vitamin, cung cấp chất dinh dưỡng thông qua khẩu phần ăn tại gia đình và nhà trường theo chuyên môn y tế; Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ trong lớp, tổ, không để xảy ra tai nạn thương tích trong lớp, tổ, 100% trẻ có thói quen, nề nếp vệ sinh tốt.
- Đảm bảo chế độ sinh hoạt cho trẻ theo chương trình GDMN, phân đầu trẻ đạt các mục tiêu của chương trình GDMN đạt 95%.

-100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần trong trường; 100% trẻ có thói quen, nề nếp vệ sinh tốt.

2.3. Công tác thi đua

a. Đối với cá nhân

*** Giáo viên**

- Chiến sĩ thi đua các cấp: 3/6

- Công nhận lao động tiên tiến: 5/6 giáo viên
- Đề nghị UBND tỉnh khen: Với những cá nhân đủ điều kiện

Danh sách cụ thể:

STT	Tên giáo viên	Danh hiệu	Cấp khen	Hình thức
1	Nguyễn Thị Hương	LĐTT- CSTĐCS	Sở/Phòng GDĐT	Chứng nhận
2	Nguyễn Thị Bích Trâm	LĐTT- CSTĐCS	Sở/Phòng GDĐT	Chứng nhận
3	Hoàng Thị Vân	LĐTT- CSTĐCS	Sở/Phòng GDĐT	Chứng nhận
4	Nguyễn Thị Bích Vân	HTTNV	Cấp Trường	
5	Bùi Gia Thư	HTTNV	Cấp Trường	
6	Lù Thị Ngọc Hà	HTTNV	Cấp Trường	

***Trẻ:**

- Tỷ lệ đạt bé ngoan, bé ngoan xuất sắc đạt 95%

3. Các giải pháp thực hiện

- Thực hiện chuyên đề của tổ:

TT	Tên chuyên đề	Thời gian	Hình thức	Đối tượng	Ghi chú
1	- Làm đồ dùng, đồ chơi bổ sung khu vực vui chơi tổng hợp, quầy bán hàng.	Tháng 9/2024	Thực hành, trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	
2	- Thiết kế bổ sung đồ dùng đồ chơi khu chơi với nước, khám phá âm thanh - Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học lấy trẻ làm trung tâm.	Tháng 10/2024	Thực hành, trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	
3	- Hướng dẫn áp dụng tiêu chí xây dựng “trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.	Tháng 11/2024	Bồi dưỡng trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	

4	Nâng cao kiến thức về dinh dưỡng cho trẻ trong trường MN	Tháng 12/2024	Bồi dưỡng trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	
5	-Thiết kế tạo môi trường Tết - mùa xuân.	Tháng 01/2025	Trao đổi, thảo luận ý kiến	Giáo viên trong tổ	
6	-Trao đổi kỹ năng về xây dựng và sử dụng môi trường theo quan điểm LTLTT cho GV.	Tháng 02/2025	Bồi dưỡng trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	
7	-Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học lồng ghép chuyên đề an toàn, thoát khỏi nơi nguy hiểm	Tháng 03/2025	Bồi dưỡng trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	
8	-SHCM theo nghiên cứu bài học: GDÂN có lồng ghép nhạc cụ âm nhạc cụ dân tộc, đa văn hoá	Tháng 04/2025	Thực hành tiết dạy và trao đổi rút kinh nghiệm.	Giáo viên trong tổ	
9	-Chia sẻ một số video dạy học sáng tạo	Tháng 05/2025	Bồi dưỡng	Giáo viên trong tổ	

4. Tổ chức thực hiện

4.1 Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, kế hoạch chuyên môn xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình đặc điểm của tổ, bám sát kế hoạch Nhà trường, kế hoạch chuyên môn, đảm bảo tính hiệu quả cao nhằm thực hiện đạt kết quả tốt nhất các chỉ tiêu đề ra; đồng thời chỉ đạo trực tiếp các thành viên trong tổ thực hiện các kế hoạch do Nhà trường tổ chức, phân công.

- Theo dõi quá trình thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch, công tác chăm sóc giáo dục của các thành viên, phối hợp với các tổ trong trường trong việc nâng cao chuyên môn, xây dựng môi trường, áp dụng, sử dụng môi trường trong công

tác chăm sóc giáo dục trẻ trong tổ.

- Thực hiện công nghệ số trong việc lập, lưu trữ hồ sơ, triển khai, đánh giá kế hoạch tổ.
- Triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra, giám sát và đánh giá chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch của từng thành viên và của tổ; chịu trách nhiệm về kết quả của tổ, báo cáo kịp thời các diễn biến trong tổ với Ban giám hiệu, chuyên môn.
- Tham mưu, đề xuất những khó khăn vướng mắc trong khi thực hiện kế hoạch tổ khối
- Phối kết hợp với chuyên môn nhà trường, cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc và giáo dục.

4.3 Giáo viên trong tổ.

- Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học của của tổ chuyên môn để xây dựng kế hoạch công tác của cá nhân theo tháng, tuần, ngày và triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.
- Báo cáo kết quả thực hiện với tổ chuyên môn, nhà trường, đề xuất các giải pháp thực hiện kế hoạch.
- Phối hợp chặt chẽ với các thành viên trong tổ, trong nhà trường và cha mẹ trẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo tính thống nhất, đồng thuận cao nhằm tranh thủ và khai thác có hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng các hoạt động của các cá nhân phụ trách, của lớp.
- Xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện với trẻ; bố trí, sắp xếp các góc chơi trong lớp cho trẻ đảm bảo các điều kiện theo qui định, phù hợp với từng độ tuổi và đầy đủ đồ dùng đồ chơi; tạo môi trường làm việc và học tập ấm áp, thân thiện, đoàn kết, mọi thành viên trong tổ, lớp học luôn được yêu thương, tôn trọng, thấu hiểu nhau; phát huy dân chủ cao.
- Chủ động đổi mới phương pháp giáo dục trẻ, linh hoạt thực hiện các hoạt động giáo dục, điều chỉnh phù hợp, đáp ứng được các nhu cầu, khả năng khác nhau của trẻ em và điều kiện thực tiễn của trường, lớp.
- Thông báo kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin của trẻ, của lớp, của trường đến cha mẹ trẻ;
- Thường xuyên rà soát và thực hiện tốt các nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ trường mầm non.

4.4 Đối với cha mẹ trẻ.

- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;
- Tham gia tích cực các hoạt động của trường, của lớp tạo sự gắn kết chặt chẽ các môi trường giáo dục nhằm giúp trẻ phát triển tốt về mọi mặt.

- Cùng với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động các bậc cha mẹ, các tổ chức xã hội chung tay xây dựng trường, lớp, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2024-2025.
- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm sưu tầm một số nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.

Trên đây là kế hoạch giáo dục tổ mẫu giáo 3-4 tuổi- nhà trẻ năm học 2024-2025. Trong quá trình thực hiện có bổ sung, thay đổi nội dung, chỉ tiêu, tổ trưởng sẽ xin ý kiến chỉ đạo của Nhà trường và có thông báo cụ thể về các thành viên trong tổ./.

Nơi nhận:

- HT, PHT(chỉ đạo);
- GV trong tổ (t/h);
- Lưu tổ CM.

TỔ TRƯỞNG



Hoàng Thị Vân

DUYỆT CỦA BGH NHÀ TRƯỜNG
HT

Phạm Thị Ánh Tuyết